

NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU KỊCH HÁT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA THỜI KỲ HỘI NHẬP

PHẠM TRÍ THÀNH *

Tóm tắt: Việt Nam có vị trí địa lý là giao điểm của các luồng văn hoá, nghệ thuật. Văn hóa Việt Nam bị chi phối mạnh mẽ bởi các quan hệ giao lưu văn hoá với các nước trong khu vực Đông Nam Á, Trung Hoa, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc và Phương Tây. Đất nước Việt Nam được chia thành ba miền Bắc, Trung, Nam và bảy vùng văn hóa. Văn hóa Việt Nam phong phú, đa sắc thái nhưng vẫn thống nhất một bản sắc văn hóa Việt. Trong nền văn hóa đậm đà bản sắc của dân tộc Việt Nam thì nghệ thuật sân khấu Kịch hát có một vai trò và vị trí quan trọng. Nó ôm chứa trong mình nhưng giá trị thẩm mỹ, đạo đức, tập tục, khát vọng, nguyên tắc ứng xử của người Việt ở nhiều vùng văn hóa khác nhau. Ngày hôm nay, với bối cảnh văn hóa thời kỳ hội nhập, kịch hát Việt Nam đang đứng trước những thách thức mới.

Từ khóa: kịch hát, nghệ thuật, Việt Nam, hội nhập, phát triển

Abstract: Vietnam is geographically located at the intersection of cultural and artistic streams. Vietnamese culture is strongly influenced by cultural exchanges with other Southeast Asia countries, China, India, Japan, Korea and the West. Vietnam is divided into three regions: North, Central, South, and seven cultural regions. Vietnamese culture is rich and nuanced but still has a unified Vietnamese identity. In the rich culture of the Vietnamese people, musical theater has an important role and position. It contains within itself the aesthetic values, ethics, customs, aspirations, and behavioral principles of Vietnamese people in many different cultural regions. Today, with the cultural context of the global integration period, Vietnamese musical theater is facing new challenges.

Keywords: musical theater, art, Vietnam integration, development



Đôi điều nguồn cội

Nghệ thuật sân khấu kịch hát Việt Nam sơ khai ra đời ngay từ thời nhà Đinh (thế kỷ X), trải qua các thời kỳ, được truyền dạy qua nhiều thế hệ, cho đến ngày hôm nay. Nghệ thuật sân khấu kịch hát đã và đang trở thành một phần không thể thiếu được trong đời sống văn hóa

của cộng đồng người dân Việt Nam. Mạch nguồn ra đời của Nghệ thuật sân khấu truyền thống Việt Nam là từ dân ca, dân vũ và các trò diễn xướng dân gian trong đời sống văn hóa các vùng miền đất Việt. Qua nhiều thời gian Nghệ thuật sân khấu truyền thống dần lan tỏa,

hoàn chỉnh cho từng kịch chủng và xây dựng cho mình những đặc điểm riêng mang tính loại hình, gắn bó hữu cơ với đời sống văn hóa của người dân Việt Nam.



Mân Thị Mầu lên chùa, trong vở chèo cổ *Quan âm Thị Kính*

Nghệ thuật sân khấu kịch hát là loại hình sân khấu mà hành động được thể hiện bằng hát, nói lới, vũ đạo, múa, biểu diễn. Đây là loại hình sân khấu rất thường gặp ở các nước phương Đông, đặc biệt là các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

Nghệ thuật sân khấu kịch hát Việt Nam cũng tạo thành những nguyên lý riêng, sắc thái riêng trong hình thức thể hiện của mình, nhưng cũng hoà quyện vào dòng chảy của khu vực. Sân khấu kịch hát dân tộc Việt Nam mà đại diện là tuồng, chèo, cải lương, rối, kịch hát dân ca có những nét tương đồng, và cũng có những nét khác biệt, chính những đặc điểm ấy được thể hiện ở hình thức thể hiện, tạo nên những đặc thù riêng cho từng loại hình.

Diễn viên là trung tâm của nghệ thuật sân khấu. Tất cả mọi sáng tạo trong nghệ thuật sân khấu muốn chuyển tải tới công chúng khán giả đều thông qua người diễn viên một cách trực tiếp. Người diễn viên sân khấu vừa là người sáng tạo, đồng thời vừa là phương tiện để tạo ra sản phẩm nghệ thuật. Đó chính là nét đặc biệt mang tính loại hình của nghệ thuật sân khấu.

Vai trò của người diễn viên trong Nghệ thuật sân khấu kịch hát là quan trọng. Nó kế thừa tinh hoa văn hóa của dân tộc Việt, hòa trộn với nghệ thuật sân khấu của các nước trong khu vực để

tạo nên kỹ năng thể hiện của người diễn viên. Diễn xuất của người diễn viên có tính chất quyết định tới hiệu quả nghệ thuật của loại hình sân khấu nói chung, và với Nghệ thuật sân khấu kịch hát nói riêng. Bằng những thủ pháp ước lệ, cách điệu, tả ý, tả thần khả năng biểu hiện của người diễn viên được phát huy đến tận cùng và được hòa nhập với thế giới tự nhiên.

Theo những ghi chép ở những văn bia, văn bản lịch sử, thì những hoạt động và kỹ thuật, kỹ năng, kỹ xảo của người diễn viên nghệ thuật sân khấu kịch hát được duy trì truyền dậy từ trong các tổ chức của triều đại phong kiến, các ban hát, phường hát, gánh hát, cơ sở đào tạo và trong cộng đồng... Hoạt động đó được bảo tồn, lưu giữ, trao truyền qua nhiều triều đại, thời gian, thế hệ người Việt, đặc biệt phát triển mạnh ở thế kỷ XIX, thế kỷ XX và cho tới tận hôm nay. Bởi vậy, ở Việt Nam còn gọi tên các loại hình kịch hát dân tộc là nghệ thuật sân khấu kịch hát truyền thống. Các hình thức nghệ thuật truyền thống của Việt Nam rất đa dạng, phong phú và mang đậm sắc thái văn hóa vùng miền. Cùng tìm hiểu về những giá trị đẹp đẽ này của văn hóa Việt để thêm yêu và góp phần gìn giữ những di sản vô giá này thông qua các bộ môn, đại diện tiêu biểu là nghệ thuật sân khấu kịch hát dân tộc, đó là tuồng, chèo, cải lương, rối nước, dân ca các vùng miền (dân ca Ví Dặm Nghệ Tĩnh, dân ca Huế - Bình Trị Thiên, dân ca Bài Chòi, hát Robam, hát Dù Kê của người Kh'me).

Nét đặc thù trong hình thức thể hiện

Nghệ thuật Sân khấu truyền thống Việt, mà đại diện là tuồng, chèo, cải lương, có những

nét tương đồng, cũng có những nét khác biệt. Chính những đặc điểm ấy được thể hiện ở hình thức biểu diễn, tạo nên những đặc thù riêng cho từng loại hình.

Thứ nhất, đặc thù về âm chủ và hơi trong kỹ thuật ca hát

Những người làm nghề trong sân khấu kịch hát đều hiểu rất rõ về âm chủ và hơi cũng như cách luyện hơi để có thể ca hát tốt. Âm chủ và hơi là vấn đề cơ bản, then chốt, mà bất cứ một diễn viên kịch hát nào cũng cần phải nắm vững thì mới có thể tạo nên thành công được trong nghề nghiệp.



Cảnh trong vở *Đào Tam Xuân loạn trào*, Nhà hát truyền thống Bình Định

Nghệ thuật sân khấu Chèo của vùng đồng bằng Bắc bộ lấy âm chủ là âm *I* và sử dụng hơi óc ở khoảng âm cao để hát, thường ở hát chèo, hay giọng hát rất cao, mà vẫn được các nghệ nhân gọi là giọng *Kim vắt*, *Kim mùi*. Người diễn viên chèo lấy hơi đan điền, rồi đẩy hơi lên cao, mà người ta quen gọi là hơi óc, hay giả thanh, nhưng phải giữ được cho giọng hát vẫn nền, vẫn nảy, vẫn trong. Âm chủ *I* cũng góp phần làm cho giọng hát chèo “nhọn” hơn, cao hơn, phù hợp với chất giọng của người vùng đồng bằng Bắc bộ, thường với giọng nói cao, thanh, vút lên lạnh lạnh như tiếng chuông ngân.

Tuồng lại lấy âm chủ là âm *U*. Cùng với cách lấy hơi ruột to vang, gần, khỏe, phù hợp

với thể loại sân khấu bi hùng, bạo liệt của nghệ thuật Tuồng.

Kế thừa những tinh hoa về hơi hát, kỹ thuật hơi hát, nhất là dân ca Nam bộ và Đờn ca tài tử, nghệ thuật Cải lương chọn âm chủ là âm *O*. Bắt nguồn từ câu hò man mác, ngọt ngào của những người dân nơi đồng nước bao la Nam Bộ. Âm *O* vừa mở lại vừa khép ở bậc trung. Không cao và đóng như âm *I*, nhưng cũng không gần như âm *U*. Âm *O* tạo nên độ mênh mang, ngọt ngào, thoáng đạt để người hát dễ sử dụng trong mọi trạng thái cơ thể, mà vẫn đảm bảo sự ấm áp.

Đó cũng là những nét đặc biệt trong tính cách, thổ ngữ và văn hoá của những con người vùng đất mới Nam bộ. Diễn viên nghệ thuật sân khấu Cải lương hoàn toàn sử dụng hơi đan điền, vận khí giữ hơi ở khoang bụng, rồi đẩy lên cổ và bộ phận thanh đới rung tạo nên âm thanh. Người trong nghề gọi cách giữ hơi như vậy là giữ *cột hơi thẳng*. Tức là cổ họng không bị bóp nghẹt, không đưa hơi lên khoang mũi, khoang óc mà mở ngang ở khoang miệng. Trong cải lương, những giọng ca hay thường được chia thành các loại giọng như:

Giọng thổ, giọng thổ đồng, giọng thổ pha kim.

Thứ hai, đặc thù kết hợp với múa (vũ đạo)

Sân khấu chèo là sân khấu dân gian nên cũng đầy ắp trong đó các động tác múa dân gian đồng bằng Bắc bộ, như múa Cửa đình (trong hát Xoan, Gheo của Phú Thọ), múa Chèo tàu (Hà Nội)... Trong múa Chèo, hai bàn tay cuốn ngón đã trở thành nét đặc thù, từ thời bà tổ Chèo Phạm Thị Trân cho tới nay, nó cũng phảng phất nét đẹp của đôi tay trong múa, múa Chăm, múa Kh' me. Trong múa của nghệ thuật Chèo, phần trang trí để đẹp được đưa lên vị trí quan trọng, có những tổ hợp múa chỉ hoàn toàn nhằm mục đích này, hoặc chỉ là ý nghĩa tượng trưng, chứ không chuyển tải nội dung như các “lưu không



Cảnh trong vở cải lương *Thái hậu Dương Vân Nga*

4”, “lưu không 8”. Sự thanh thoát uyển chuyển giữa chân, tay, cùng với sự phối hợp giữa múa và hát, những động tác *Chỉ, Xiển chân, Đánh mắt* đã được chất lọc, biến đổi để có thể sử dụng trong vũ đạo Cải lương.

Sân khấu Tuồng là sân khấu nổi tiếng với phương pháp mô hình mẫu. Múa Tuồng cũng vậy, chứa trong mình những mô hình rất tinh xảo, mẫu mực được thực hiện một cách nghiêm ngặt, chính xác, như *Bộ long, Bộ hổ, Bộ yêu... ròi Khai khán, Xoang xô chỉ, Cung kính, hệ thống múa sinh hoạt, võ thuật...* Múa Tuồng mang tính khoa trương, cách điệu, hơi xa với động tác thật, và thường có những động tác phụ họa cho động tác chính, mà không tham gia vào nội dung, như *Khai, Xoang*.

Sân khấu Cải lương ra đời sau, nên trong thời kỳ đầu đã kế thừa, mượn nhiều từ hệ thống múa Tuồng (trong Nam Bộ gọi là hát Bội), nhất là *Mô hình múa sinh hoạt, Khai khán, Bê, Xiển, Lia...* Có rất nhiều nghệ sĩ hát bội, tuồng sang biểu diễn thành công trên sân khấu cải lương, nhất là những sân khấu cải lương Hồ Quảng, cải lương tuồng cổ. Khi kế thừa múa của nghệ thuật sân khấu tuồng, các động tác múa đã được biến đổi để cho thanh thoát, nhẹ nhàng không còn gân guốc, bạo liệt, nhất là phần lưng không trùng xuống, và chỉ chọn lọc những động tác có tính biểu đạt cao, để thể hiện hành động tâm lý của nhân vật. Vậy là trong nghệ thuật sân

khấu Cải lương, vũ đạo tuồng đã được biến đổi, trở thành vũ đạo cải lương, và đứng cùng với các động tác vũ đạo cải lương khác một cách hài hoà, hiệu quả. Ví dụ như động tác chỉ. Thay vì cánh tay vòng tròn rồi chỉ thẳng 2 ngón tay tới điểm đích như ở tuồng, trong cải lương đã để cánh tay đi theo đường tròn vòng cung, đầu ngón tay chệch về một vòng tròn, không thẳng tới đích, nhưng ý nghĩa lại vượt ra khỏi ngón

tay, vẫn tới đích, tạo nên sự nhẹ nhàng, nhưng lại mỹ lệ hơn, mềm mại hơn, phù hợp với nghệ thuật Cải lương. Trong hệ thống vũ đạo cải lương, sự tiếp nhận, kế thừa được diễn ra rất hợp lý và có sự chất lọc để tìm ra những tinh hoa phù hợp với yêu cầu đặc thù của nghệ thuật này, không làm mất đi chất cải lương cũng như những đường nét đặc thù của nó.

Nghệ thuật sân khấu Chèo đã từ lâu nổi tiếng với phương pháp biểu diễn hiện thực tả ý,



Biểu diễn kết hợp với vũ đạo trong sân khấu Chèo

phương pháp này đã tạo cho sân khấu này trở thành một sân khấu tự sự, ước lệ. Phương pháp giao lưu mạnh mẽ của diễn viên Chèo với bạn diễn, dàn đế và với khán giả đã tạo nên phong cách độc đáo.

Thứ ba, đặc thù kỹ thuật biểu diễn

Sân khấu Chèo cổ với sự có mặt của dàn đế, lời giáo đầu, dàn đồng ca... những thành phần quan trọng của phương pháp biểu diễn tự sự. Tự sự chèo được biểu diễn trong hoà cảm, cùng với những nét trang trí cao từ những động tác hư, những lớp trò ngoài tích mang nhiều chất hài hước, trào lộng, ngẫu hứng tạo thành phương pháp biểu diễn *hiện thực tả ý*, là nét đặc thù của biểu diễn trong nghệ thuật này.

Trong sân khấu Tuồng, nổi bật lên phương pháp biểu diễn biểu hiện, *hiện thực tả thần* với những mô hình mẫu mực. Nhiều mô hình mẫu của sân khấu Tuồng đã được nhiều thế hệ nghệ sỹ khai thác, sáng tạo nên, như nhân vật *Tướng trung, Tướng đóng, Lão trung, Đào võ, Đào lẳng...* hay những mô hình được xây dựng thành hẳn một lớp diễn dài, như *Đông mẫu thượng thành, Xuân Đào cắt thịt, Châu Xáng qua sông, Mạnh Lương bắt ngựa, Kim Lân qua đèo, Đào Tam Xuân đề cờ...*

Trong sân khấu Cải lương, thời gian đầu đã kế thừa triệt để những phương pháp biểu diễn, mảng miếng từ hai loại hình sân khấu kịch hát dân tộc có trước là chèo và tuồng. Rất dễ dàng tìm ra phương pháp tự sự được kế thừa trong hệ thống ca hát cải lương. Nghệ thuật sân khấu Cải lương, vốn bắt nguồn từ hình thức đờn ca tài tử, hình thức ca nhạc dân gian, đậm chất thính phòng đã sẵn có trong mình yếu tố tự sự. Tính tự sự trong ca hát cải lương cũng được biến đổi mãnh liệt, tạo nên chất đời thực, trữ tình trong ca hát và sự chuyển tải yếu tố tâm lý, mâu thuẫn xung đột ngay trong lòng hệ thống ca hát này. Bởi vậy, trong cải lương, ca hát là diễn và diễn trong bài ca, là thể.

Mặt khác trong cải lương tuồng cổ, trình thức biểu diễn, mô hình mẫu cũng được xây

dựng, sử dụng theo phương pháp biểu diễn của tuồng. Cho nên, nhiều người cho rằng cải lương từ tuồng mà ra. Thực chất không phải vậy, cải lương có kế thừa một số tinh hoa từ nghệ thuật Tuồng, cũng như nhiều nghệ thuật khác nữa, nhưng nó không tiếp nhận như nguyên bản mẫu, mà có chọn lọc những điều phù hợp và hoà trộn có liều lượng, từ đó biến đổi để tạo thành cái của riêng mình. Mô hình mẫu là một ví dụ điển hình. Những mô hình mẫu cũng được xây dựng một cách chuẩn mực nhưng không định hình, để có thể đưa ra làm mẫu mực một cách nghiêm ngặt ở nhiều trường hợp và chỉ giữ sự mẫu mực về phương pháp khai thác, về hệ thống. Đặc biệt là trong đó diễn tả những điều đang xảy ra chứ không phải là những điều đã xảy ra, mà những điều đang xảy ra thì không bao giờ cố định, phải hoà cảm và luôn luôn biến đổi. Bởi vậy ở cải lương cũng có rất nhiều lớp diễn mẫu mực, như *Độc thoại với Long bào (Thái hậu Dương Vân Nga), Võ Thị Sáu bắt ngựa (Người con gái đất đỏ), Diêu Thuyền vọng nguyệt, Lã Bố hi Diêu Thuyền (Phụng nghi đình)...* Những lớp diễn này đều rất hay, đều của nhân vật nữ chính, nhưng không hề lặp lại nhau, mà biến đổi đa dạng, phong phú theo từng nhân vật, theo từng yêu cầu của từng nội dung kịch bản.

Phương pháp biểu diễn theo lối cách điệu, ước lệ của sân khấu phương Đông nói chung và sân khấu Tuồng, Chèo nói riêng đã tạo nên đặc điểm riêng biệt. Nghệ thuật sân khấu Cải lương kế thừa những yếu tố về cách điệu và ước lệ đã được khai thác, sử dụng trong tuồng, chèo, kết hợp với lối diễn chân thật vốn có của cải lương và một phần cũng ảnh hưởng từ lối diễn hoà cảm, hiện thực của sân khấu kịch phương Tây, hoà trộn, biến đổi, chọn lọc để có được phương pháp *biểu diễn hiện thực tả thần* ở nghệ thuật Cải lương *vừa thật lại vừa đẹp*. Cái thật ở đây được bắt nguồn từ hiện thực, từ chi tiết theo tư duy chân thật như *cuộc sống vốn là như thế*, được mài giũa và xây dựng để phản ánh

cái tổng thể, cái toàn thể, cái thân. Một điều tất nhiên là nó được cải lương hoá, mỹ lệ hoá để trở thành cái đẹp và cái đẹp cũng được xây dựng trên cơ sở của sự chân thực. Hai thành tố hoà quyện vào nhau tạo nên hiệu quả thẩm mỹ mới cho kỹ thuật biểu diễn của nghệ thuật Cải lương, đáp ứng được nhu cầu luôn biến động của đời sống xã hội.

Tất cả các bộ môn của sân khấu kịch hát truyền thống đều giao thoa kế thừa, biến đổi lẫn nhau, để xây dựng thành công hệ thống nhân vật Đào, Kép, Hề, Lão, Mụ,... những mô hình vai mẫu truyền thống của nghệ thuật sân khấu kịch hát Việt Nam.

Giải pháp cấp bách trong quá trình hội nhập toàn cầu

Việt Nam chúng ta đang trải qua quá trình hội nhập toàn cầu. Nghệ thuật sân khấu truyền thống cũng đang đứng trước những thách thức lớn cần phải vượt qua. Giao lưu văn hoá, hội nhập toàn cầu thực chất là cuộc đối thoại giữa các nền văn hoá và công việc này nhiều khi đóng vai trò quan trọng thậm chí quyết định trong những cuộc đàm phán về kinh tế, biên giới, lãnh thổ... Trong quá trình hội nhập, khi các nền văn hoá, nghệ thuật giao lưu với nhau cần tính đến giá trị chung, giá trị nhân loại, đồng thời thừa nhận cái khác biệt của các dân tộc khác, để họ cũng thừa nhận cái khác biệt của ta.

Trong quá trình giao lưu hội nhập, những điều còn lại của quốc gia, dân tộc chính là bản sắc văn hoá. Nghệ thuật sân khấu truyền thống là một phần không nhỏ của những điều còn lại ấy. Những giá trị văn hoá, đạo đức của con người, xã hội Việt Nam đã và đang được tích tụ lại trong văn hoá của các vùng miền và nghệ thuật sân khấu truyền thống gắn bó với máu thịt của người dân ở các vùng, miền đó. Để bảo tồn và phát huy nghệ thuật sân khấu truyền thống trong tình hình hiện tại là công việc cấp thiết và cần có được sự đồng thuận, góp sức của cả xã

hội. Xin được đưa ra một số giải pháp về công tác bảo tồn và phát huy nghệ thuật sân khấu truyền thống để chúng ta cùng bàn luận.

Một là: *Tạo điều kiện cho khán giả hiện nay tiếp cận sâu, rộng với các loại hình của nghệ thuật sân khấu truyền thống*

Từ khi hình thành và phát triển của từng bộ môn nghệ thuật sân khấu truyền thống, khán giả đã có mối quan hệ gắn bó hữu cơ, máu thịt với chúng. Mối quan hệ này đã trở thành quyết định cho công việc bảo tồn và phát huy các bộ môn nghệ thuật sân khấu đó. Khán giả hiện nay có nhiều sự lựa chọn trong thưởng thức nghệ thuật, và có xu hướng tìm đến với những bộ môn nghệ thuật mang lại cái mới lạ, cái hay và cả những cái họ đang thiếu. Sự lặp lại nhàm chán, cũ mòn, thiếu sáng tạo, không có tiếng nói chung của cộng đồng sẽ không thể lôi kéo họ. Cơ chế thị trường đang làm khán giả xa cách hơn với nghệ thuật sân khấu truyền thống vì họ không còn tìm thấy được sự hấp dẫn, mới lạ từ các nghệ thuật sân khấu này, và họ không có đồng cảm với chúng. Để bảo tồn và phát huy nghệ thuật sân khấu truyền thống cần phát huy nhiều hình thức quảng bá truyền thông để tiếp cận khán giả, và chính họ sẽ trở thành những người nuôi dưỡng cho các loại hình nghệ thuật này.

Đã có nhiều hoạt động mang lại hiệu quả nhất định, như hội diễn, hội thi, liên hoan cho cả các diễn viên không chuyên, diễn viên chuyên nghiệp, sân khấu truyền hình trực tiếp, sân khấu học đường, đưa vào các chương trình giáo dục các cấp, công tác truyền thông văn hoá... có sự bình chọn, thẩm định, hoà đồng của khán giả tạo nên sự hoà đồng gắn bó giữa họ và nghệ sỹ. Đây là những hoạt động cần được kế thừa và phát huy để lôi kéo khán giả đến với nghệ thuật sân khấu truyền thống, để họ thêm hiểu, thêm yêu, cùng chung sức giữ gìn, phát triển. Ứng dụng mạnh mẽ những thành công của công nghệ đặc biệt là công nghệ số để đưa Kịch hát truyền thống đến gần với cộng đồng khán giả, như xây dựng các



Trích đoạn *Huê Thần Nữ dăng ngũ linh kỳ*, Nhà hát NTTT Khánh hòa, biểu diễn trên đường phố Nha Trang

chương trình truyền hình, *gameshow* hấp dẫn gần gũi với mọi tầng lớp nhân dân. Nhân dân sẽ được tham gia, hòa chung vào nghệ thuật, mà không chỉ đóng vai trò là khán giả. Chẳng hạn như cuộc thi *Giải Bông Lúa Vàng*, hay *Tìm kiếm tài năng trình diễn Dân ca và Nghệ thuật truyền thống Việt Nam*, các *gameshow* về văn hóa nghệ thuật truyền thống.

Hai là: Đầu tư và ứng dụng công nghệ vào nghệ thuật sân khấu truyền thống

Cần có những chủ trương chính sách của nhà nước để tạo điều kiện cho nghệ thuật sân khấu truyền thống được bảo tồn và phát huy đúng với quy luật, nhất là trong tình hình hiện tại, ưu tiên, động viên tạo điều kiện cho những hoạt động của các tổ chức xã hội hoá nghệ thuật để họ có thể thu được hiệu quả tốt trong cơ chế thị trường. Bên cạnh đó, cần đầu tư, hỗ trợ vào những hoạt động biểu diễn theo đúng chuẩn mực của nghệ thuật sân khấu truyền thống. Coi đó chính là một khâu trong công tác bảo tồn và phát huy đối với nghệ thuật sân khấu truyền thống. Trong thực tế cần kết hợp uyển chuyển cả hai loại giải pháp tình thế và chiến lược để

nghệ thuật sân khấu truyền thống vừa duy trì hoạt động tốt trong thực tế khắc nghiệt của cơ chế thị trường, đồng thời cũng có được chiến lược bảo tồn và phát huy lâu dài, vững chắc, phù hợp với những biến đổi của xã hội, đất nước trong tương lai.

Đầu tư đúng vào những biến đổi trong lĩnh vực ứng dụng những công nghệ hiện đại, để mang lại hiệu quả cho nghệ thuật sân khấu truyền thống, như âm thanh, ánh sáng, đặc biệt là công nghệ thông tin, vì đây chính là thế mạnh đặc biệt, hiện đại và phù hợp với quá trình hội nhập toàn cầu. Để thực hiện được lâu dài, có hiệu quả công việc bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống trong thời kỳ hội nhập, cần có một cuộc cách mạng, để đưa công nghệ thông tin đến với những người đang làm việc trong ngành sân khấu truyền thống nhất là những diễn viên trẻ. Công nghệ thông tin ứng dụng cho sáng tạo nghệ thuật sẽ tạo nên những hiệu quả mới trong bảo tồn và phát triển nghệ thuật sân khấu truyền thống trong quá trình hội nhập.

**TS, Nghiên cứu Kịch hát dân tộc, trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Văn Cầu (2005), *Lịch sử nghệ thuật chèo*, NXB. Sân khấu, Hà Nội.
2. Đỗ Dũng (2003), *Sân khấu Cải lương Nam bộ 1918 - 2000*, NXB. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Hoàng Châu Ký (1973), *Sơ khảo lịch sử tuồng*, NXB. Văn hóa, Hà Nội.
4. Trần Đình Ngôn, Nguyễn Huy Hồng, Nguyễn Xuân Yên... (2006), *Sơ thảo lịch sử sân khấu Việt Nam: Từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX*, NXB. Sân khấu, Hà Nội.
5. Tất Thắng (2021), *Nghệ thuật Tuồng thế kỷ XX (sơ khảo)*, NXB. Sân khấu, Hà Nội.

Ngày nhận được bài 12/5/2024; Ngày phản biện đánh giá 22/5/2024;

Ngày chấp nhận đăng 28/5/2024; Ngày đăng 20/6/2024